

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 6 năm 2022

*“V/v ly hôn tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tư

Ông Nguyễn Văn Môn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố B, tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/01/2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Đào Thị H, sinh năm 1995 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Lục, xã Tân Mỹ, thành phố B, tỉnh B

**\*Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 39, ngõ 102, đường Huyền Quang, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022, Bản tự khai, Biên bản hòa giải trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phan Đức Hiếu ngày 16/4/2018. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B. Sau khi kết hôn chung sống với nhau ngay tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc.

Trong quá trình chung sống mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh trầm trọng từ cuối năm 2021, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm

trong công việc cũng như trong sinh hoạt trong gia đình, anh Nguyễn Tiến T có lỗi sống không lành mạnh, vợ cH chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ cH giữa chị và anh T không còn thương yêu nhau, chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Con chung của vợ cH là Nguyễn Thị Minh Nghi, sinh ngày 27/02/2019. Hiện tại chị đang nuôi dưỡng, cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung của vợ cH, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công nợ chung của vợ cH không có, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, anh T từ chối không nhận văn bản tổng đạt của Tòa án và cũng không trình bày quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H.

\* Tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2022, tại địa phương thể hiện quá trình chung sống vợ cH chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không được biết, Hiện chị H không còn chung sống với anh T.

\* Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải đối với nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật. Do bị đơn là anh T vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh T, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

\* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

\* Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

- Về con chung: Giao cho chị Đào Thị H nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh Nghi, sinh ngày 27/02/2019.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H thì thấy đây là quan hệ “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Bị đơn là anh Nguyễn Tiến T có Hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B giải quyết là đúng với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Nguyễn Tiến T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 16/04/2018 đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, bất đồng về quan điểm trong công việc cũng như trong sinh hoạt gia đình, anh T có lối sống không lành mạnh. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021, nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt, tại phiên hòa giải và không thể hiện quan điểm với yêu cầu xin ly hôn của chị H, nên các đương sự không thỏa thuận giải quyết được với nhau về nội dung vụ án. Điều đó chứng tỏ

tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Chị H và anh T có con chung là Nguyễn Thị Minh Nghi, sinh ngày 27/02/2019. Chị H đang nuôi dưỡng, cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo, sau khi ly hôn chị H đề nghị được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

\* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đào Thị H được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.
2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Thị Minh Nghi, sinh ngày 27/02/2019 cho chị H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đào Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001336 ngày 18/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. B;
- CCTHA dân sự TP. B;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Văn Tú**